

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/7/2023

*V/v TuY bố không công nhận
quan hệ vợ chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ông Trịnh Văn Lộc
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát V.

Ngày 18/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2023, về việc “Yêu cầu tuY bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/6/2023 giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn:** Chị Thạch Chành Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Sơn Đình V, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp H, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2023 (BL01); Biên bản ghi lời khai ngày 21/4/2023 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguY đơn chị Thạch Chành Đ trình bày: Chị Thạch Chành Đ và anh Sơn Đình V kết hôn vào đầu năm 2002, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cả 2 chung sống rất hạnh phúc và ở cùng nhà với cha mẹ ruột của chị Chành Đ tại ấp H, xã H, thị xã VC, Sóc Trăng cho đến nay. Đến cuối năm 2015 thì vợ chồng chị Chành Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan Đểm sống nên thường xuY cãi vã, anh Đình V còn nhiều lần bạo hành với chị

Chành Đ. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không thể hàn gắn được nữa. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị Chành Đ có 02 người con chung: Sơn Thị Chanh V1 (Nữ, sinh ngày 01/01/2003) và Sơn Thị Mỹ Y, (Nữ, sinh ngày 01/01/2000).

Nay tại phiên tòa chị Thạch Chành Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Chành Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung với anh Sơn Đình V không phải là quan hệ vợ chồng. Về con chung: Cháu Sơn Thị Chanh V1 (Nữ, sinh ngày 01/01/2003) và Sơn Thị Mỹ Y, (Nữ, sinh ngày 01/01/2000) đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn tại biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2023 (BL27-28) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Sơn Đình V trình bày: Anh V thống nhất với lời trình bày của chị Chành Đ về hôn nhân hai người chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống với nhau có 02 người con chung tên Sơn Thị Chanh V1 (Nữ, sinh ngày 01/01/2003) và Sơn Thị Mỹ Y, (Nữ, sinh ngày 01/01/2000) hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh V không thống nhất với ý kiến chị Chành Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ chung sống giữa chị Đ và anh V không phải là vợ chồng vì anh V còn thương vợ, thương con nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận mối quan hệ chung sống giữa chị Chành Đ và anh Đình V là vợ chồng. Về con chung các con của chị Chành Đ và anh Đình V đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn chị Thạch Chành Đ yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ chung sống giữa chị Đ và anh Sơn Đình V không phải là vợ chồng do hai người chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Thạch Chành Đ với bị đơn anh Sơn Đình V là tranh chấp về hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Thạch Chành Đ với bị đơn anh Sơn Đình V thấy rằng: Chị Đ và anh V chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ Điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng...”*. Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 8016/VBHN-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001 mà có đủ Điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Chị Đ và anh V chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận chị Đ và anh V là vợ chồng.

Tại phiên tòa chị Đ vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ chung sống giữa chị Đ và anh V không phải là vợ chồng, Hội đồng xét xử cũng đã phân tích động V để chị Đ suy nghĩ lại nhằm hàn gắn lại tình cảm, nhưng chị Đ vẫn không đồng ý.

Tại phiên tòa anh V không đồng ý theo yêu cầu của chị Đ do anh còn thương vợ, thương con nên muốn được hàn gắn lại tình cảm nhưng chị Đ không đồng ý và từ ngày không còn chung sống với nhau cho đến nay thì chị Đ và anh V cũng không có gặp mặt nhau nhằm trao đổi để hàn gắn lại tình cảm. Chị Đ và anh V cũng không ai tới lui để chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã phân tích, động V để chị Đ và anh V hàn gắn lại tình cảm nhưng chị Đ vẫn kiên quyết không đồng ý, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng,

đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguY đơn.

[4] Về con chung: Gồm cháu Sơn Thị Chanh V1 (Nữ, sinh ngày 01/01/2003) và Sơn Thị Mỹ Y, (Nữ, sinh ngày 01/01/2000) hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và tại phiên tòa hôm nay chị Đ và anh V cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguY đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại Đếm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Đếm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Đếm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Đếm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TuY xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Chành Đ đối với bị đơn anh Sơn Đình V.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thạch Chành Đ và anh Sơn Đình V.

- Về con chung: Gồm Sơn Thị Chanh V1 (Nữ, sinh ngày 01/01/2003) và Sơn Thị Mỹ Y, (Nữ, sinh ngày 01/01/2000) hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Chành Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0007871 ngày 04/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Sơn Đình V không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thụ án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng

